

Số: 181/BC-MNHY

Gò Vấp, ngày 06 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Về tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDDT của các cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

- Trường đã xây dựng Quyết định số 212/QĐ-MNHY ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động công khai của Trường mầm non Hoàng Yến.
- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị.

1. Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

Biểu mẫu 01

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường MN qui định.	Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường MN qui định.
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100% các lớp thực hiện chương trình GDMN (Văn bản hợp nhất số 01: VBHN-BGDDT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.)	100% các lớp thực hiện chương trình GDMN (Văn bản hợp nhất số 01: VBHN-BGDDT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.)
III	Kết quả đạt được trẻ trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu. Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, thực hiện một số việc tự phục vụ	Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động. Trẻ biết được một số món ăn thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.

		Trẻ thực hiện, giữ gìn sức khỏe. Trẻ nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn Trẻ khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi. Nghe, hiểu lời nói. Biết nhắc lại các âm, các tiếng, các câu và biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân. Biết biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. Trẻ thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc; tô, vẽ, nặn, xếp hình...	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. Nhận biết số đếm, số lượng. Biết sắp xếp theo quy tắc; so sánh 2 đối tượng; Nhận biết hình dạng; Nhận biết vị trí trong không gian, định hướng trong thời gian. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống địa phương; Một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. Làm quen với việc đọc - viết Thể hiện ý thức về bản thân; Sự tự tin, tự lực. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	- Hỗ trợ niềm, giảm học phí cho trẻ em hộ cận nghèo và hộ nghèo. - Giáo dục hòa nhập.	- Hỗ trợ niềm, giảm học phí cho trẻ em hộ cận nghèo và hộ nghèo. - Hỗ trợ tiền ăn trưa. - Giáo dục hòa nhập.

2. Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

Biểu mẫu 02

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			03-12 tháng tuổi	19-24 tháng & tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Tổng số trẻ em	416	/	32	29	93	128	134
1	Số trẻ em nhóm ghép	/	/	/	/	/	/	/
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	/	/	/	/	/	/	/
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	416	/	32	29	93	128	134
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	/	/	/	/	/	/	/
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	416	/	32	29	93	128	134
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	416	/	32	29	93	128	134
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	416	/	32	29	93	128	134
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	416	/	32	29	93	128	134
1	Số trẻ cân nặng bình thường	416	/	32	29	93	128	134
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	08	/	01	/	/	05	02
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	376	/	31	24	89	115	117
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	04	/	01	/	01	02	/
5	Số trẻ thừa cân	39		02	02	06	11	18
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	416	/	32	29	93	128	134

TFL
HÀM
0A
40

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	61	/	32	29	/	/	/
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	355	/	/	/	93	128	134

3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

Biểu mẫu 03

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	2m ² /trẻ
II	Loại phòng học	/	/
1	Phòng học kiên cố	13	30 trẻ/ phòng
2	Phòng học bán kiên cố	/	
3	Phòng học tạm	/	
4	Phòng học nhờ	/	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.659 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	595 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	424,92 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	63 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	/	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	9,92 m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	286 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	63 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc đa chức năng (m ²)	63 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	66 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	385 bộ	385 bộ/nhóm (lớp)

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	/	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15	15 bộ/ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	07	Máy vi tính: 13 Máy chiếu: 01 Tivi: 13 Catsset: 03 Máy in: 10 Bàn tương tác: 01
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	150	13 thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	01	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	09	
3	Máy photo	/	
4	Đầu Video/đầu đĩa	/	
5	Thiết bị khác (hệ thống âm thanh)	01	
6	Đồ chơi ngoài trời	15	
7	Bàn ghế đúng quy cách	NT: 17 MG: 198	
8	Thiết bị khác...	/	

		Số lượng (m ²)		
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	05		13		0,3 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

4. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

Biểu mẫu 04

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	ThS	Đ H	CD	T C	Dưỡng TC	Hạng IV	Hạng g III	Hạng g II	Tốt	Kh á	Đạt	Chư a đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41			31	02	06	05	06	05	20	05	17	01	/
I	Giáo viên	25			22	01	02	/	05	05	15	06	17	01	/

1	Nhà trẻ	04			03	/	01	/	02	/	02	01	02	01	/
2	Mẫu giáo	21			19	01	01	/	03	05	13	05	16	/	/
II	Cán bộ quản lý	03			03	/	/	/	/	/	03	/	03	/	/
1	Hiệu trưởng	01			/	/	/	/	/	/	01	/	01	/	/
2	Phó hiệu trưởng	02			02	/	/	/	/	/	02	/	02	/	/
III	Nhân viên	12			02	01	04	04							
1	Nhân viên văn thư	01			01	/	/								
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	01					01								
4	Nhân viên y tế	01				01									
5	Nhân viên khác	05					03	02							
6	Nhân viên bảo vệ	03					/	03							

- Kết quả thực hiện

+ Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường và bản thông tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị Ban đại diện CMHS.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

+ Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm (khi kết thúc năm học), đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

+ Đã công khai các nội dung:

Theo biểu 1, 2, 3, 4

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

- Nhận xét, đánh giá:

+ Ưu điểm:

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Qua việc thực hiện công khai nhà trường đã từng bước nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm tại đơn vị trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Hạn chế: Không

- Đề nghị: Không

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Lưu VT.


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 MẦM NON
 HOÀNG YẾN
 Nguyễn Thị Xuân Hằng